

Bản án số: 146/2019/HS-PT
Ngày: 12/3/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt.
2. Ông Phạm Viết Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 67/2019/HSPT ngày 10/01/2019 đối với bị cáo Phạm Văn T do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T và các bị hại Đào Hữu T1, Đào Hữu T2 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 180/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1971 tại Hải Phòng; nơi thường trú: thôn Bắc Tạ, xã H, huyện V, Thành phố Hải Phòng; chỗ ở: 40/23/43 Tổ 5, Ấp 4, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đào Thị T; có vợ Vũ Thị T và 02 con sinh năm 1992 và năm 1997; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Các bị hại có kháng cáo:

1. Ông Đào Hữu T1, sinh năm: 1969; trú tại: Tổ 10, Ấp 1, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

2. Ông Đào Hữu T2, sinh năm: 1967; trú tại: 177 Đường TA05, Tổ 3, Khu phố 7, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Ngọc Tĩnh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/12/2017, tại khu vực trước Nhà thờ Tân Đông, thuộc Ấp 4, xã Đông Thanh, huyện Hóc Môn giữa Lê Thị Phúc và Phạm Văn T xảy ra cự cãi, T tát vào mặt Phúc nên Phúc gọi điện thoại cho chồng mình là ông Đào Hữu T1 ra giải quyết. Khi T1 ra đến nơi không thấy T mà chỉ có Vũ Thị Tiến (vợ T) nên T1 kêu Tiến gọi điện thoại cho T ra để giải quyết việc T tát vợ mình. Sau đó, Vũ Thị Tiến gọi T ra, khi vừa chạy xe máy đến nơi thì T1 tiến tới chỗ T tát vào mặt T 01 cái, do bị đánh bất ngờ nên T dựng xe rút dao có sẵn sau yên xe ra, T1 nhìn thấy nên bỏ chạy vào trong quầy hàng của mình. T cầm dao đuổi theo và dùng dao chém theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng trán của T1. T1 cũng rút được thân cây dù ra chống đỡ, lúc này có Đào Hữu T2 truy hô, chạy theo T can ngăn thì bị T quay dao ra sau chém trúng tay trái. Sau khi được mọi người can ngăn, ôm vật T xuống giật dao ra thì T bỏ chạy, còn ông T1, T1 được đưa đi băng bó vết thương. Riêng bà Vũ Thị Tiến do lúc cùng mọi người can ngăn chồng mình, giật lại con dao đưa tay đỡ cho chồng thì bị thương.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1073 ngày 04/01/2018 kết luận tỉ lệ tổn thương Đào Hữu T1 như sau: “Vết thương trán trái gây đứt da, mẻ bản sọ ngoài nhỏ tại trán (ảnh 1,2) đã được điều trị khâu vết thương, hiện còn vết thương chưa cắt chỉ kích thước 7x0,1cm (ảnh 3.1) và 1,8x0,1cm (ảnh 3.2) tại trán, ảnh hưởng thẩm mỹ + vết thương tại ảnh 3.1 có tỉ lệ 11% do vật sắc, vật sắc nhọn tác động mạnh gây ra. Vết thương tại ảnh 3.2 có tỉ lệ 06% do vật tày, vật tày có cạnh, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 16%”. Hai vết thương này do hai lần tác động khác nhau: con dao gây vết thương ở ảnh 3.1; ống sắt gây ra vết thương ở ảnh 3.2.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1078 ngày 04/01/2018 kết luận tỉ lệ tổn thương của Đào Hữu T2 như sau: Một vết thương mặt trước trong 1/3 dưới cẳng tay trái gây đứt thần kinh trụ, hiện còn: vết thương hở miệng còn chỉ khâu kích thước 12x (0,1-1,1) cm (ảnh 1), tê ngón IV, V mô út và cẳng cổ tay bên trụ, bàn tay vuốt trụ, teo nặng cơ gian cốt mu tay, hạn chế vận động các ngón tay do tổn thương nặng thần kinh trụ (ảnh 2 đến 6). Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 26%. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động mạnh gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 364 ngày 24/5/2018 kết luận tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho bà Vũ Thị Tiến như sau: vết thương tại đầu ngón cái tay phải, đã được điều trị, hiện còn: sẹo kích thước 3,2x0,1cm tại ngón cái (ảnh 1,2), hư đầu móng tay ngón cái (ảnh 2); vết thương mặt lòng gốc ngón II bàn tay phải gây đứt da, đứt gân gấp ngón II, đã được điều trị khâu gân, khâu vết thương, hiện còn: một sẹo kích thước 3,4x0,1cm tại gốc

ngón II (ảnh 3), có hạn chế gập sát ngón II. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 08%

Vật chứng thu giữ: 01 con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 60cm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 180/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội xử phạt Phạm Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468, Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phạm Văn T bồi thường cho bị hại Đào Hữu T2 số tiền là 34.250.000 (ba mươi bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng; bồi thường cho bị hại Đào Hữu T1 là 32.550.000 (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 66.800.000 đồng. Trừ 5.000.000 đồng đã đóng theo biên lai thu tiền số 01063 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Còn lại phải đóng là 61.800.000 (sáu mươi một triệu tám trăm ngàn) đồng. Thực hiện một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, lãi chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/12/2018 bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/12/2018, các bị hại Đào Hữu T1, Đào Hữu T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận toàn bộ nội dung sự việc, diễn biến các hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chỉ học hết lớp 1, đọc hiểu và viết rất khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục một phần hậu quả, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ đã già, con còn nhỏ.

Các bị hại Đào Hữu T1, Đào Hữu T2 đều xác định bị cáo T là người gây ra các thương tích cho các ông, và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo T và tăng mức bồi thường thiệt hại cho các ông.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt

bị cáo Phạm Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo và các bị hại Đào Hữu T1, Đào Hữu T2 kháng cáo trong thời gian hợp lệ. Đối với kháng cáo của các bị hại Đào Hữu Toàn, Đào Hữu T2 cho rằng cần phải xem xét tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần, tiền thu nhập thực tế bị mất... nhưng nhận thấy bản án sơ thẩm đã dựa trên các chứng từ do bị hại cung cấp, đồng thời xem xét và đánh giá đầy đủ các khoản yêu cầu bồi thường về sức khỏe, tiền mất thu nhập, tiền tổn thất về tinh thần cho các bị hại và tuyên buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho bị hại Đào Hữu T2 là đúng quy định. Số tiền tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Đào Hữu T1 là 32.550.000 đồng là chính xác nhưng số tiền cộng tính mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại Đào Hữu T2 34.250.000 đồng là chưa đúng, số liệu cộng tính chính xác phải là 35.250.000 đồng. Do việc sai sót này ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại cũng như số tiền án phí dân sự bị cáo phải chịu nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại cho chính xác.

Về phần hình phạt thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, đánh giá nhân thân cũng như tính chất mức độ, nguyên nhân, động cơ phạm tội của bị cáo và xử phạt 04 năm tù là tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn T cũng kháng cáo với mong muốn được giảm nhẹ hình phạt nhưng không nêu thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T và các bị hại Đào Hữu T1, Đào Hữu T2, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần bồi thường cho bị hại Đào Hữu T2 và án phí dân sự sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Ngọc Tĩnh trình bày bài bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh với bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại cũng có phần lỗi khi đã tấn công bị cáo trước, bị cáo đã nộp lại số tiền 5.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả, bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mới chỉ học hết lớp một nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, mức án 04 năm tù mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nặng nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về gia đình.

Bị cáo Phạm Văn T đồng ý với bài bào chữa của luật sư không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện chăm sóc mẹ già, con nhỏ.

Các bị hại Đào Hữu T2, Đào Hữu T1 đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T vì bị cáo đã thực hiện hành vi với tính chất côn đồ, dùng hung khí nguy hiểm. Về phần bồi thường thiệt hại thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận: khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/12/2017, khi dọn hàng để chuẩn bị bán thì Lê Thị Phúc và Phạm Văn T xảy ra cự cãi, T tát vào mặt Phúc một cái rồi bỏ về nhà nên Phúc gọi điện thoại cho chồng là Đào Hữu T1 ra giải quyết. Khi T1 ra đến nơi không thấy T mà chỉ có Vũ Thị Tiến là vợ T nên kêu Tiến gọi điện thoại cho T ra để giải quyết, T1 và bà Tiến có cự cãi nhau, T1 tát chị Tiến và làm bể một chậu hàng của Tiến nên Tiến gọi T ra. Khi T vừa chạy xe máy đến nơi, đang ngồi trên xe thì T1 tiến tới chỗ T tát vào mặt T 01 cái, bị đánh bất ngờ nên T dựng xe rồi rút dao có sẵn sau yên xe đuổi theo và chém theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng trán của T1. T1 rút được thân cây dù chống đỡ, lúc này Đào Hữu T2 truy hô và chạy theo T can ngăn thì bị T quay dao ra sau chém trúng tay trái. Sau đó T được mọi người can ngăn, giật dao, T bỏ chạy, còn ông Tiến, T1 được đưa đi băng bó vết thương. Hậu quả ông Đào Hữu T1 bị thương tật với tỷ lệ 16%, ông Đào Hữu T2 bị thương tật với tỷ lệ 26%. Riêng bà Vũ Thị Tiến do lúc cùng can ngăn chồng mình và giật lại con dao cũng bị thương với tỷ lệ thương tật là 8%.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của người bị hại, của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định pháp y... Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T và các bị hại Đào Hữu T2:

Về phần hình phạt đối với bị cáo: xét tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo thì việc bị cáo dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho các bị hại Đào Hữu T1 với tỷ lệ thương tật 16% và Đào Hữu T2 với tỷ lệ thương tật là 26%, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi

phạm tội đã tự nguyện nộp lại số tiền 5.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả; bị hại cũng là người có lỗi khi đã đánh bị cáo trước; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, chỉ học hết lớp 1 nhận thức pháp luật có phần hạn chế, gia đình có hoàn cảnh khó khăn mẹ già, 02 con còn nhỏ nên mức án 04 năm tù về tội Cố ý gây thương tích đối với bị cáo Phạm Văn T mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là thỏa đáng. Tại phiên tòa hôm nay các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và bản thân bị cáo cũng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng cả bị cáo và bị hại đều không nêu ra được tình tiết gì mới nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận phần kháng cáo tăng hình phạt của bị hại, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Về kháng cáo phân trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các chi phí chữa trị vết thương, tiền mất thu nhập, tiền bồi thường về tổn thất tinh thần, tiền công người chăm sóc trong thời gian điều trị bệnh, bồi thường tổn hại sức khỏe như tại phiên tòa sơ thẩm đã yêu cầu, cụ thể: ông Đào Hữu T1 yêu cầu bồi thường số tiền tổng cộng là 258.100.000 đồng, ông Đào Hữu T2 yêu cầu bồi thường số tiền 405.700.000 đồng.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và buộc bị cáo phải bồi thường: chi phí điều trị vết thương, tiền thuốc đối với bị hại Tiến là 8.400.000 đồng, bị hại T1 là 7.700.000 đồng; tiền mất thu nhập trong thời gian chữa trị vết thương là 10 ngày (bao gồm tiền mất thu nhập của bị hại và người thân) đối với bị hại Đào Hữu T2 là 6.000.000 đồng, đối với bị hại Đào Hữu T1 4.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần cho mỗi bị hại không quá 15 tháng lương tối thiểu thành tiền: $15\text{tháng} \times 1.390.000 = 20.850.000$ đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho ông Đào Hữu T2 là 35.250.000 đồng; cho ông Đào Hữu T1 là 32.550.000 đồng. Tuy nhiên, do cộng tính có sai sót nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phải bồi thường cho ông Đào Hữu T2 34.250.000 đồng là chưa đúng nên cần phải sửa lại thành 35.250.000 đồng.

Những nhận định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và thiệt hại thực tế do sức khỏe tính mạng bị xâm phạm, việc đánh giá và tuyên buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường các khoản trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Đào Hữu T1, Đào Hữu T2, chỉ sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền bồi thường cho bị hại Đào Hữu T2 cho chính xác. Do sửa về số tiền phải bồi thường nên án phí dân sự sơ thẩm cũng phải sửa lại cho phù hợp.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Riêng các bị hại kháng cáo về phần hình phạt và bồi thường do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm nên không phải chịu án phí hình sự, dân sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Đào Hữu T1, Đào Hữu T2, sửa một phần bản án sơ thẩm số 180/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn về phần bồi thường thiệt hại và án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội xử phạt Phạm Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng Điều 357, Điều 468, Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho ông Đào Hữu T2 số tiền là 35.250.000 (ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng; bồi thường cho ông Đào Hữu T1 là 32.550.000 (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 67.800.000 đồng, trừ 5.000.000 đồng đã đóng theo biên lai thu tiền số 01063 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, còn lại phải đóng là 62.800.000 (sáu mươi hai triệu tám trăm ngàn) đồng. Thực hiện một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn T phải chịu là 3.140.000 (ba triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị hại Đào Hữu T1, Đào Hữu T2 không phải chịu án phí hình sự, dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- CC THA huyện Hóc Môn; (1)
- Bị cáo; (1)
- TAND huyện Hóc Môn; (2)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị hại, luật sư; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (22) (4)

Phan Thanh Nguyễn